

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Doanh trại Trung tâm huấn luyện dự bị động viên/Bộ CHQS tỉnh Đắk Lắk” tại xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1661/QĐ-QK ngày 08/08/2023 của Quân khu 5 phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng Doanh trại Trung tâm huấn luyện dự bị động viên/Bộ CHQS tỉnh Đắk Lắk;

Xét Công văn số 177/STNMT-MT ngày 17/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM Dự án “Doanh trại Trung tâm huấn luyện dự bị động viên/Bộ CHQS tỉnh” tại xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk; Văn bản số 298/BCH-HC ngày 25/01/2024 của Bộ CHQS tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và Văn bản số 240/BCH-HC ngày 19/02/2024 về việc cập nhật một số nội dung tại Quyết định số 1661/QĐ-QK ngày 08/08/2023 của Quân khu 5;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 54/TTr-STNMT ngày 23/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Doanh trại Trung tâm huấn luyện dự bị động viên/Bộ CHQS tỉnh Đắk Lắk” tại Xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là Dự án) của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ CHQS tỉnh Đắk Lắk
(Đ/c: Số 04 Mai Hắc Đế, Tp. Buôn Ma Thuột);
- UBND huyện Buôn Đôn;
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN “DOANH TRẠI TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN DỰ BỊ ĐỘNG
VIÊN/BỘ CHQS TỈNH ĐẮK LẮK” TẠI XÃ KRÔNG NA,
HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: “Doanh trại trung tâm huấn luyện dự bị động viên/Bộ CHQS tỉnh Đắk Lắk” tại xã Krông Na, huyện Buôn Đơn.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Krông Na, huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk.
- Chủ dự án đầu tư: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk.
- Địa chỉ liên lạc: Số 04 Mai Hắc Đế, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Quy mô diện tích: Tổng diện tích thực hiện dự án là 140.890 m² (Theo Quyết định số 1661/QĐ-QK ngày 08/08/2023 của Quân khu 5 phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng Doanh trại Trung tâm huấn luyện Dự bị động viên/Bộ CHQS tỉnh Đắk Lắk).

- Quy mô khai thác, sử dụng tài nguyên nước: Dự án khai thác, sử dụng dưới đất để cung cấp cho sinh hoạt của cán bộ, chiến sĩ với lưu lượng tối đa khoảng 42,72 m³/ngày (trong đợt huấn luyện) và trung bình khoảng 0,48 m³/ngày (khi không có hoạt động huấn luyện).

- Công suất hoạt động: Đáp ứng cho nhu cầu huấn luyện của 445 người/đợt huấn luyện (Mỗi năm khoảng 03-04 đợt huấn luyện của lực lượng dự bị động viên, thời gian mỗi đợt huấn luyện là từ 5-7 ngày/đợt).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình chính

- Nhà ở và làm việc chỉ huy d, diện tích là 320 m²;
- Phòng Hồ Chí Minh, diện tích là 693 m²;
- Nhà ở c BB (03 nhà), tổng diện tích là 2.085 m²;
- Nhà ở a, b trực thuộc, diện tích là 546 m²;
- Nhà ở hậu cần + b phục vụ, diện tích là 486 m²;
- Nhà ở c hỏa lực (04 nhà), tổng diện tích là 613 m²;

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Nhà chăn nuôi tăng gia cho doanh trại (02 nhà), tổng diện tích là 360 m²;
- Nhà bếp ăn (02 nhà), tổng diện tích là 1.777 m²;
- Nhà trực ban, diện tích là 75 m²;
- Kho hậu cần + VCHL chiến đấu 245 m²;

- Nhà để xe (ô tô và xe 2 bánh) diện tích là 550 m²;
- Nhà vệ sinh (05 nhà), tổng diện tích là 935 m²;
- Nhà phơi (04 nhà), tổng diện tích là 280 m²;
- Nhà tắm và vệ sinh diện tích là 113 m²;
- Bãi vật cản, diện tích là 500 m²;
- Sân bóng chuyền, diện tích là 750 m²;
- Khu tập thể lực tổng hợp, diện tích là 2.390 m²;
- Đường giao thông, tổng diện tích là 20.649,1 m²;
- Cây xanh, thảm cỏ, mặt nước (hồ bơi), tổng diện tích là 110.140,9 m².

1.3.3. Các công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Bố trí 13 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích là 253,9 m³;
- Bố trí 02 bể tách dầu mỡ, tổng thể tích là 22,2 m³;
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất là 10 m³/ngày đêm;
- Các hạng mục công trình liên quan đến lưu chứa chất thải: Khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 4,0 m², Khu lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích 4,0 m².

1.3.4. Các hoạt động của dự án đầu tư:

- Hoạt động khai thác tận thu gỗ, san gạt mặt bằng, thi công xây dựng các hạng mục công trình chính, hạng mục công trình phụ trợ, hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án;
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, vật tư, máy móc phục vụ thi công;
- Hoạt động xây dựng hạng mục công trình;
- Hoạt động huấn luyện, sinh hoạt của cán bộ chiến sĩ của Dự án;
- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào của Dự án;
- Hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động của Dự án;

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Phát sinh sinh khối thải từ quá trình khai thác tận thu gỗ và dọn dẹp mặt bằng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại và các sự cố môi trường

Hoạt động thi công xây dựng hạng mục công trình: Phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại và các sự cố môi trường.

- Hoạt động huấn luyện, sinh hoạt của cán bộ chiến sĩ tại Dự án: Phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, tiếng ồn và các sự cố môi trường.

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án: Phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

a) Giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, chiến sĩ tại Dự án với lưu lượng khoảng 2,88 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: tổng N, tổng P, BOD₅, chất rắn lơ lửng (TSS), Coliforms, dầu mỡ động thực vật,...

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích Dự án khoảng 241,82 m³/ngày.đêm (trong ngày mưa lớn nhất). Thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng (TSS), đất, cát...

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, chiến sĩ trong đợt huấn luyện phát sinh với lưu lượng tối đa khoảng 42,72 m³/ngày.đêm (khoảng 299,04 m³/đợt huấn luyện); khi không có hoạt động huấn luyện, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,48 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: tổng N, tổng P, BOD₅, chất rắn lơ lửng (TSS), Coliforms, dầu mỡ động thực vật,...

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích Dự án khoảng 603,38 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng (TSS), đất, cát...

- Dự án sử dụng hồ bơi có hệ thống xử lý nước và tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải ra môi trường.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a) Giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng:

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, NO₂, SO₂, CO₂,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, NO_x, SO₂, CO₂, VOC,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng hạng mục công trình của Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, NO_x, SO₂, CO₂, VOC,...

b) Giai đoạn vận hành dự án:

- Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông của cán bộ, chiến sĩ trực tại Dự án và của cán bộ, chiến sĩ dự bị động viên tới huấn luyện. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC,...

- Khí thải từ hoạt động nấu ăn cho cán bộ, chiến sĩ tại Dự án.
- Mùi hôi từ quá trình phân hủy các loại chất thải hữu cơ.

3.2. Chất thải rắn (CTR), chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của CTR sinh hoạt :

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh với số lượng khoảng 39 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: bao bì nilong thải, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thực phẩm thừa,...

b) Giai đoạn vận hành Dự án: Phát sinh tối đa khi có hoạt động huấn luyện với số lượng khoảng 587,5 kg/ngày và khoảng 6,5 kg/ngày khi không có hoạt động huấn luyện. Thành phần chủ yếu gồm: bao bì nilong thải, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thực phẩm thừa,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của CTR thông thường:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Sinh khối thải bỏ (cành vụn, lá cây...) sau khi khai thác tận thu lượng gỗ trên diện tích rừng đã chuyển đổi mục đích sử dụng (6,81 ha), phát sinh với khối lượng khoảng 50 m³.

- Phế phẩm từ quá trình phá bỏ công trình cũ ước tính khoảng 156 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: tone hư, gạch, vữa, ống PVC, sắt, thép,.... thải bỏ.

- Chất thải xây dựng từ quá trình xây dựng công trình của Dự án phát sinh khoảng 313,26 tấn (tương đương với 334 kg/ngày). Thành phần chủ yếu gồm: vật liệu xây dựng hư hỏng, các loại bao bì,...

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

- Bùn thải từ quá trình nạo vét hệ thống thu gom nước mưa: 15 – 20 kg/lần nạo vét, định kỳ 06 tháng nạo vét 1 lần.

- Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh với khối lượng khoảng 8,01 m³/lần thu gom; định kỳ 06 tháng tiến hành thu gom, hút bùn bể tự hoại 1 lần.

- Chất thải từ quá trình chăn nuôi (nuôi gà thịt, gà đẻ trứng để cung cấp cho nhà ăn của Dự án) số lượng phát sinh không lớn (khoảng 3,8 kg/ngày).

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh với tổng số lượng khoảng 15-20 kg. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau dính dầu, que hàn, bóng đèn huỳnh quang thải, thùng sơn thải bỏ.

- Giai đoạn vận hành Dự án: Phát sinh với khối lượng ít, chỉ khoảng 3-5 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: mực in thải bỏ, giẻ lau dính dầu mỡ, pin thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ thi công, san gạt mặt bằng, xây dựng các hạng mục công trình; từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực thi công.

- Giai đoạn vận hành dự án: Phát sinh từ các phương tiện ra vào Dự án và từ hoạt động huấn luyện tại Dự án.

- Các quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

- Tác động đến cơ sở hạ tầng của khu vực, đến hoạt động giao thông, kinh tế - xã hội khu vực triển khai thực hiện Dự án, đến an ninh – quốc phòng, tác động đến tài nguyên nước ngầm.

- Tác động do rủi ro, sự cố môi trường (sự cố hệ thống xử lý nước thải); sự cố cháy nổ; tai nạn lao động.

- Tác động đến tầng nước ngầm khu vực xung quanh Dự án (khả năng sụt lún tầng chứa nước).

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Thu gom vào hệ thống mương thu gom hiện hữu kết hợp với xây dựng mương thoát nước mưa xung quanh Dự án dẫn theo địa hình tự nhiên về phía Nam Dự án và chảy về mương thoát nước mưa của Quốc lộ 29; nguyên vật liệu phục vụ thi công được tập kết tại các công trình hiện hữu trong Dự án, bố trí bạt che chắn để tránh bị cuốn trôi.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn tại các khu vệ sinh hiện hữu trong Dự án.

b) Giai đoạn vận hành dự án:

- Nước mưa chảy tràn:

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

+ Nước mưa trên mái được thu gom qua các phễu và ống PVC 90mm dẫn xuống hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn.

+ Nước mưa chảy tràn tại khu vực sân bãi, đường giao thông được thu gom qua hệ thống thu gom nước mưa bằng các hố ga thu nước mưa, dẫn vào hệ thống cống bằng BTCT D400 mm, D600 mm xây dựng xung quanh các công trình, sau đó được dẫn về mương thoát nước mưa của Quốc lộ 29 tiếp giáp phía Nam Dự án.

+ Nước mưa chảy tràn tại các khu vực đất trống, khu vực cây xanh được thấm tự nhiên vào đất.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ bể bơi huấn luyện: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải từ bể bơi và tuần hoàn tái sử dụng, không thải nước ra môi trường. Quy trình xử lý nước thải bể bơi như sau:

Nước thải từ bể bơi → Bơm → Thiết bị điều chỉnh pH tự động → Thiết bị lọc thủy lực → nước sạch → Bơm tuần hoàn lại hồ bơi. Bố trí bơm định lượng tại

bể bơi để định kỳ bơm bổ sung hóa chất khử trùng để khử trùng, diệt khuẩn trong nước bể bơi.

+ Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (13 bể, thể tích mỗi bể là $19,53 \text{ m}^3$) sau đó theo đường ống PVC D200 mm về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải từ nhà ăn, bếp nấu được thu gom dẫn về bể tách dầu mỡ (02 bể, thể tích mỗi bể là $11,1 \text{ m}^3$), sau đó theo đường ống PVC D200 mm dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất là $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (gồm 2 modul xử lý, công suất mỗi modul là $05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$). Quy trình, công nghệ xử lý của Hệ thống xử lý nước thải như sau:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ (nước thải từ các nhà vệ sinh sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn và nước thải nhà bếp sau xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu, mỡ) → Bể chứa nước thải trước xử lý → Cụm xử lý nước thải hợp khối (Ngăn điều hòa → Ngăn sinh học thiếu khí → Ngăn sinh học MBBR → Ngăn lắng và lọc màng MBR → Ngăn khử trùng) → Bể chứa nước thải sau xử lý.

Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và được tái sử dụng (dội nhà vệ sinh) với lưu lượng khoảng $14,24 \text{ m}^3/\text{ngày}$, lượng còn lại ($28,44 \text{ m}^3/\text{ngày}$) được lưu chứa tại bể chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý đảm bảo theo đúng yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với chuyển giao nước thải theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Các hạng mục công trình của Hệ thống xử lý nước thải:

+ 01 bể chứa nước thải trước xử lý (thể tích $193,5 \text{ m}^3$; kích thước $15\text{m} \times 6\text{m} \times 2,15\text{m}$; kết cấu BTCT).

+ 02 Modul xử lý nước thải (mỗi modul có công suất $05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; kích thước $3,21\text{m} \times 1,84\text{m} \times 1,7\text{m}$).

+ 1 hồ chứa nước thải sau xử lý (thể tích $193,5 \text{ m}^3$; kích thước $15\text{m} \times 6\text{m} \times 2,15\text{m}$; kết cấu BTCT).

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát; đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án theo đúng quy định. Chủ dự án cam kết nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và được tái sử dụng, vận chuyển đi xử lý theo đúng yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.2. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Lập hàng rào bằng tôn cao 2,5 - 3m xung quanh khu vực công trường thi công; chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc đã được đăng kiểm theo đúng quy định.

- Phương tiện vận chuyển yêu cầu chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, đất đá thải, phế thải... để tránh rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển; che chắn khu vực tập kết nguyên vật liệu để hạn chế gió khuếch tán bụi ra môi trường.

- Phun nước tưới ẩm nhằm giảm thiểu lượng bụi trên công trường với tần suất 1-2 lần/ngày vào những ngày nắng nóng; dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ trên công trường và tuyến đường nội bộ vào cuối giờ làm việc.

- Ưu tiên chọn nguồn cung cấp vật liệu gần Dự án để giảm quãng đường vận chuyển và giảm công tác bảo quản để giảm thiểu tối đa bụi và các chất thải phát sinh cũng như giảm nguy cơ xảy ra các sự cố.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: Khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm an toàn và sức khỏe cho người công nhân lao động.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án đạt QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào dự án: Các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện theo quy định.

- Lập phương án trồng rừng thay thế đối với diện tích rừng chuyển đổi để xây dựng các hạng mục công trình của Dự án và thực hiện trồng rừng theo đúng phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh tại Dự án theo đúng quy định về xây dựng và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định.

- Giảm thiểu mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải:

+ Hệ thống thu gom nước thải thiết kế có độ dốc phù hợp để tránh hiện tượng ứ đọng nước thải, gây mùi hôi.

+ Kiểm soát mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải thông qua thiết kế các bể xử lý kín, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình để hạn chế phát tán khí thải, mùi hôi; định kỳ bảo dưỡng, duy tu hệ thống xử lý nước thải nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và hiệu quả.

- Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ quá trình thu gom, lưu chứa chất thải của Dự án.

+ Bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại riêng biệt với khu nhà ở, nhà ăn và khu tập luyện của cán bộ, chiến sĩ.

+ Thu gom, phân loại và xử lý triệt để lượng chất thải rắn phát sinh để hạn chế phát tán mùi hôi.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý CTR, CTNH

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý CTR thông thường:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng được thu gom, phân loại vào các thùng chứa rác có nắp đậy (loại 20 Lít và 60 Lít) bố trí tại các vị trí phù hợp trong khu vực thi công, thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn và có phương án xử lý phù hợp với từng loại chất thải.

+ Chất thải có thể tái chế được bán cho các cơ sở có nhu cầu.

+ Chất thải thực phẩm được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực phía Bắc dự án.

- CTR xây dựng: Đối với các loại chất thải như đất, đá thải, xà bần... thu gom, tận dụng để san nền trong khu vực Dự án. Đối với khối lượng chất thải không tái sử dụng được sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành dự án:

- CTR sinh hoạt: Được thu gom, phân loại tại nguồn và lưu chứa vào các thùng chứa rác có nắp đậy (loại 60 Lít) đặt tại các khu vực chức năng như nhà ở, nhà làm việc, nhà ăn... trong Dự án.

+ Đối với chất thải thực phẩm (rau, củ, quả, thức ăn thừa...) được tận dụng làm thức ăn cho gia cầm chăn nuôi trong Dự án.

+ Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế được lưu chứa tại khu vực lưu chứa tạm thời có diện tích 4 m² (có tường bao và mái che kín; nền láng xi măng; có bảng hiệu theo quy định) và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

+ Đối với các chất thải rắn sinh hoạt khác được chôn lấp hợp vệ sinh tại khu vực cuối dự án về phía Đông Bắc (thực hiện quy trình chôn lấp hợp vệ sinh đối với chất thải sinh hoạt theo đúng quy định hiện hành). Khi khu vực có đơn vị có chức năng để thu gom Chủ dự án sẽ ký hợp đồng thu gom theo quy định.

- Bùn thải từ bể tự hoại được định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý theo quy định với tần suất 06 tháng/lần.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, quản lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTNH:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

Bố trí các thùng chứa CTNH chuyên dụng có nắp đậy kín, có dẫn nhãn CTNH đúng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT tại các khu vực có phát sinh CTNH, đảm bảo toàn bộ CTNH phát sinh từ hoạt động xây dựng

được thu gom, phân loại theo đúng quy định; tập kết và lưu chứa tại khu vực lưu chứa tạm thời CTNH với diện tích xây dựng là 10 m² và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành dự án:

- Bố trí hệ thống thùng chứa CTNH chuyên dụng có nắp đậy kín, có dẫn nhãn CTNH đúng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT tại các khu vực có phát sinh CTNH, đảm bảo toàn bộ CTNH phát sinh từ quá trình vận hành Dự án đều được thu gom, phân loại theo đúng quy định; tập kết và lưu chứa tại kho chứa CTNH với diện tích xây dựng 04 m². Kho lưu giữ CTNH đảm bảo được thiết kế, xây dựng theo đúng quy định, nền chống thấm, chống rò rỉ; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển xử lý với tần suất 01 năm/lần.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng: Chủ dự án phải yêu cầu các nhà thầu chỉ được sử dụng các thiết bị, máy móc đã được kiểm định theo quy định, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; lắp đặt thiết bị giảm ồn cho những máy móc, thiết bị có mức ồn cao. Bố trí thời gian thi công hợp lý, sử dụng trang thiết bị, máy móc chuyên dụng phù hợp.

b) Trong giai đoạn vận hành dự án:

- Bố trí khu vực đậu đỗ xe phù hợp và có bảng hướng dẫn khu vực đậu đỗ xe trong dự án; Các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện theo quy định.

- Bố trí hàng rào bao quanh Dự án, trồng cây xanh xung quanh Dự án để tạo cảnh quan và điều hòa điều kiện vi khí hậu, giảm thiểu tiếng ồn; triển khai thực hiện trồng rừng thay thế theo đúng phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) *Phương án giảm thiểu tác động từ việc khai thác nước ngầm tại dự án*

- Thực hiện các hồ sơ thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất đảm bảo theo quy định của Luật tài nguyên nước. Quá trình khoan thăm dò, khoan giếng

để khai thác nước dưới đất phải đảm bảo kỹ thuật, có biện pháp đảm bảo an toàn, chống sụt lún đúng quy định.

- Trong quá trình khai thác, sử dụng nước dưới đất thực hiện quan trắc chất lượng nước, lập báo cáo định kỳ theo đúng quy định và gửi các cơ quan có thẩm quyền để theo dõi, giám sát.

- Tăng cường việc sử dụng nước tiết kiệm tại Dự án.

- Báo cơ quan chức năng khi có dấu hiệu xảy ra hiện tượng tụt mực nước ngầm hoặc sụt lún các công trình xung quanh khu vực khai thác hoặc chất lượng nước ngầm có dấu hiệu xấu đi. Thực hiện các biện pháp xử lý theo chỉ đạo của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

b) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về xử lý nước thải:

- Xây dựng hoàn thiện các modul của hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế; thực hiện vận hành thử nghiệm để kiểm tra, giám sát hiệu quả xử lý trước khi đưa hệ thống xử lý nước thải vào vận hành chính thức.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải; bố trí thiết bị dự phòng để thay thế ngay khi cần thiết để đảm bảo hệ thống được vận hành ổn định.

- Lập nhật ký vận hành để theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải để theo dõi chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn phù hợp.

- Khi có sự cố xảy ra, Dự án phải dừng hoạt động phát sinh nước thải để khắc phục sự cố, nước thải được lưu chứa tạm thời tại bể chứa nước thải trước xử lý, sau khi sự cố được khắc phục xong mới tiếp tục đưa nước thải vào modul xử lý và tiến hành quan trắc để đánh giá hiệu quả xử lý theo quy định.

- Bố trí cán bộ quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

c) Phương án phòng chống cháy nổ:

- Thực hiện đầy đủ và nghiêm ngặt các quy định của cơ quan chức năng về công tác bảo đảm an toàn lao động và an toàn phòng chống cháy nổ.

- Hạng mục công trình được bố trí đầy đủ hệ thống báo cháy, chữa cháy. Trang bị đầy đủ các phương tiện cứu hỏa như: bình CO₂, cát...

- Đầu tư xây dựng các công trình chống sét và an toàn nội đất theo tiêu chuẩn theo quy định.

- Xây dựng nội quy về phòng chống cháy nổ và an toàn lao động, an toàn điện, định kỳ tổ chức tập huấn về các công tác phòng chống cháy nổ và an toàn lao động, an toàn điện theo đúng quy định hiện hành.

- Bố trí các bể chứa nước mưa (gồm 4 bể, mỗi bể có thể tích 340 m³) để phục vụ cho PCCC khi có sự cố cháy nổ, hỏa hoạn xảy ra

- Thực hiện tốt các quy định về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng tại diện tích đất có rừng xung quanh Dự án.

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ Dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát chất thải rắn

- Tần suất giám sát: thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi), khi chuyển giao cho chất thải cho đơn vị thu gom xử lý.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.
- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại, biện pháp thu gom xử lý.
- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.
- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng “Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng”.

5.1.2. Giám sát khác

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn xây dựng Dự án.
- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.
- Nội dung giám sát: Công tác PCCC, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, nguy cơ sụt lún, sạt lở, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường có thể xảy ra.
- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về tài nguyên nước, phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án

Tuân thủ quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án

5.3.1. Giám sát nước thải sinh hoạt

- Vị trí lấy mẫu nước thải sau xử lý: 02 Vị trí (tại ngăn khử trùng của 02 modul xử lý).
- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động, thực vật, Phosphat, Coliform.
- Tần suất 6 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.3.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi tự xử lý (chôn lấp hợp vệ sinh)/có chuyển giao chất thải cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt
- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt
- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).
- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.3.3. Giám sát chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (cập nhập vào sổ theo dõi) và khi chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng thu gom và xử lý;
- Vị trí giám sát: Nhà lưu chứa chất tạm thời thải nguy hại
- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải;
- Việc quản lý, giám sát chất thải nguy hại phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chất thải nguy hại phải được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.
- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.3.4. Giám sát chất lượng nước dưới đất

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;
- Thông số: pH, tổng Coliform, Nitrat, Amôni, Tổng chất rắn hòa tan, Độ cứng, Nitrit, Chỉ số permanganat Cadimi, Thủy ngân, Chì, Chloride, Fluoride, Sắt, Arsenic, E. Coli.
- Vị trí: 02 vị trí (tại 02 Giếng khoan của Dự án).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.3.5. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi).
- Vị trí giám sát: Khu vực dự án;
- Nội dung giám sát: Nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa và nước thải, hệ thống xử lý nước thải; công tác PCCC; an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động, nguy cơ ô nhiễm, sụt lún tầng chứa nước.
- Tuân thủ theo các quy định, các quy chuẩn pháp luật về tài nguyên nước, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, an toàn điện và các quy định pháp luật liên quan.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước, xây dựng, an ninh trật tự. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng của địa phương. Chỉ được phép triển khai dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, lâm nghiệp và các thủ tục khác liên quan theo đúng quy định pháp luật.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo sự phù hợp của dự án với các quy hoạch có liên quan. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường, các hạng mục trong công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan đến chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, lập phương án trồng rừng thay thế đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt.

6.4. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm giảm thiểu mùi phát sinh từ quá trình lưu chứa chất thải tại dự án, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng, vận hành dự án.

6.5. Xây dựng các công trình xử lý chất thải; mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Lập hồ sơ thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án theo đúng quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

6.6. Thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A trước khi tái sử dụng; đảm bảo các thông số nước thải sau xử lý phù hợp với mục đích tái sử dụng; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển nước thải đi xử lý đảm bảo theo đúng quy định tại điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

6.7. Đảm bảo khoảng cách, hành lang an toàn trong khu vực dự án và các đối tượng xung quanh, đảm bảo an toàn lộ giới theo đúng quy định của pháp luật.

6.8. Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố

môi trường, bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.9. Chịu trách nhiệm về môi trường lao động, an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng.

6.10. Thiết lập mô hình quản lý, vận hành dự án và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện nghiêm chương trình quản lý, giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.11. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có sự thay đổi so với Quyết định phê duyệt này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.